

## THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

Trương Kim Phụng và Đào Thị Hoàng Quyên

Trường Đại học Tây Đô

(Email: tkphung@tdu.edu.vn)

Ngày nhận: 01/8/2022

Ngày phản biện: 22/8/2022

Ngày duyệt đăng: 20/9/2022

### TÓM TẮT

Hoạt động thương mại điện tử đã và đang góp phần thúc đẩy sự phát triển cho nền kinh tế quốc gia. Giao kết hợp đồng thương mại bằng phương tiện điện tử giúp cho các chủ thể không phải tốn quá nhiều chi phí trong quá trình giao dịch, rút ngắn được thời gian giao kết, mở rộng phạm vi giao dịch, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đặc biệt, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, thương mại điện tử đã khẳng định được vai trò của mình trong tổng thể nền kinh tế. Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản cho việc giao kết hợp đồng điện tử nói chung và hợp đồng thương mại điện tử nói riêng. Tuy nhiên, việc giao dịch hợp đồng qua phương tiện điện tử thường có nhiều rủi ro đáng lo ngại. Những quy định trong các văn bản pháp luật về giao kết hợp đồng thương mại điện tử còn mang tính khái quát, quy trình giao kết hợp đồng thương mại điện tử còn nhiều thách thức, chưa có quy định về khái niệm, hình thức, quá trình giao kết hợp đồng thương mại điện tử, ... một cách cụ thể và chi tiết. Có thể thấy, thực trạng hợp đồng về thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay còn khá nhiều bất cập. Chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại điện tử là cần thiết.

**Từ khóa:** Giao kết, hợp đồng, thương mại điện tử

Trích dẫn: Trương Kim Phụng và Đào Thị Hoàng Quyên, 2022. Thực trạng pháp luật về hợp đồng thương mại điện tử ở Việt Nam và hướng hoàn thiện. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 16: 152-159.

\*Ths. Trương Kim Phụng – Phó Trưởng Bộ môn Luật, Trường Đại học Tây Đô

## 1. KHÁI NIỆM VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Xã hội ngày càng phát triển, sự tiến bộ của công nghệ ngày càng được áp dụng rộng rãi vào đời sống con người. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử (TMĐT), kéo theo đó là một phương thức giao dịch mới được hình thành là giao dịch TMĐT. So với các phương thức giao dịch truyền thống trước đây, giao dịch TMĐT được hình thành với nhiều ưu điểm nổi bật như chi phí thấp hơn, tốc độ truyền tải thông tin nhanh hơn, tiện dụng hơn, hiệu quả cao hơn và không bị giới hạn bởi không gian và thời gian... Do đó, giao dịch điện tử (GDĐT) ngày càng chiếm ưu thế và thu hút sự quan tâm của nhiều chủ thể, nhất là các Doanh nghiệp. Số lượng giao dịch TMĐT ngày càng tăng đã làm xuất hiện một loại hợp đồng mới được gọi là hợp đồng TMĐT.

Dưới góc độ pháp lý, *“Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”*<sup>1</sup>. Theo đó, có thể hiểu hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên nhằm tiến hành một công việc, một hoạt động hay một hành vi nhất định nào đó nhằm đem lại quyền và lợi ích cho các bên.

Tại Điều 33 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 thì định nghĩa: *“Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định của Luật này”*. Trong đó, thông điệp dữ liệu được

hiểu là *“thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử”*<sup>2</sup>. Nó được thể hiện dưới hình thức *“trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác”*<sup>3</sup>. Hợp đồng TMĐT cũng là hợp đồng điện tử nhưng nó được tiến hành trong hoạt động thương mại hay cụ thể hơn là trong hoạt động TMĐT. Hoạt động TMĐT có thể hiểu là *“việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác”*<sup>4</sup>.

Như vậy, dựa theo các quy định trên, có thể hiểu hợp đồng TMĐT như sau: *Hợp đồng TMĐT là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực thương mại, được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu và có kết nối mạng*.

## 2. ĐẶC ĐIỂM CỦA HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Hợp đồng TMĐT có những đặc điểm cơ bản của hợp đồng thương mại truyền thống. Tuy nhiên, do được xác lập thông qua các phương tiện điện tử, nên hợp đồng TMĐT có một số đặc điểm riêng như sau:

*Về tính phi biên giới:* Hợp đồng TMĐT được ký kết thông qua các phương tiện điện tử, có kết nối mạng internet. Nhờ các công nghệ này mà TMĐT có thể phát triển, trực tiếp tác động tới môi trường cạnh tranh toàn cầu.

<sup>1</sup> Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015

<sup>2</sup> Khoản 12 Điều 4 Luật Giao dịch điện tử năm 2005

<sup>3</sup> Điều 10 Luật Giao dịch điện tử năm 2005

<sup>4</sup> Khoản 1 Điều 3 Nghị định 52/2013/NĐ-CP

Do đó, khái niệm biên giới quốc gia trong hoạt động TMĐT hầu như không tồn tại.

*Về tính vô hình, phi vật chất:* Hợp đồng TMĐT được giao kết thông qua các phương tiện điện tử như: Công nghệ điện, điện tử, mạng viễn thông không dây, mạng internet,... Chính đặc điểm này đã tạo cảm giác hợp đồng TMĐT là ảo, phi giấy tờ, không dễ dàng cầm nắm và sử dụng một cách dễ dàng. Làm cho việc xác định một số yếu tố của hợp đồng TMĐT như: Về bản gốc, chữ ký, bằng chứng pháp lý của hợp đồng,... trở nên khác xa so với các hợp đồng bằng giấy trắng mực đen truyền thống trước đây.

*Về tính hiện đại chính xác:* Hợp đồng TMĐT được ký kết và thực hiện dựa trên các phương tiện điện tử có độ chính xác cao. Việc sử dụng các phương tiện điện tử, đặc biệt là mạng internet giúp cho việc giao kết hợp đồng trở nên thuận tiện, chính xác và nhanh chóng hơn so với HĐTM truyền thống.

*Về tính rủi ro:* Trong một môi trường ảo, đôi khi rất khó khăn để xác định rõ năng lực của đối tác giao kết, khó xác định được đơn đặt hàng trên internet là giả hay thật. Sự trục trặc về đường dây mạng có thể dẫn đến sự nhầm lẫn, sử dụng công nghệ chưa thành thạo có thể dẫn đến sai sót; sự tấn công của hacker có thể tạo ra sự mất an toàn trong việc bảo mật thông tin...

*Về việc không tiếp xúc trực tiếp:* Trong thương mại truyền thống, các bên giao kết

hợp đồng phải gặp gỡ nhau trực tiếp để tiến hành giao dịch, nhưng đối với TMĐT thì không.

*Có sự tham gia của các nhà cung cấp dịch vụ qua mạng:* Trong TMĐT ngoài các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng (giống với HĐTM truyền thống) đã xuất hiện một bên thứ ba không thể thiếu được đó là nhà cung cấp dịch vụ mạng – là những người tạo môi trường cho các giao dịch TMĐT. Nhà cung cấp dịch vụ qua mạng có nhiệm vụ chuyển đi, lưu trữ các thông tin giữa các bên giao dịch hợp đồng TMĐT<sup>5</sup>.

### 3. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM

TMĐT hình thành và phát triển đã tạo nên một bước đột phá lớn trong công cuộc kết nối không dây về thương mại trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, TMĐT xuất hiện tương đối muộn. Mặc dù đã có nhiều văn bản pháp luật điều chỉnh về giao dịch điện tử, hoạt động TMĐT, website TMĐT. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vấn đề về hợp đồng TMĐT vẫn còn nhiều vướng mắc, bất cập.

*Thứ nhất, những vướng mắc về mặt chủ thể trong hợp đồng TMĐT, thành lập và cung cấp thông tin website.* Để có thể xác định một chủ thể có đủ năng lực chủ thể hay không là rất khó, do các bên tham gia giao dịch hợp đồng TMĐT chỉ thông qua các phương tiện điện tử, không gặp mặt trực tiếp nên không thể biết được đối

<sup>5</sup> Khoản 14 Điều 4 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 “Tổ chức cung cấp dịch vụ mạng là tổ chức cung cấp hạ tầng đường truyền và các dịch vụ khác có liên quan để thực hiện giao dịch điện tử. Tổ chức cung

cấp dịch vụ mạng bao gồm tổ chức cung cấp dịch vụ kết nối Internet, tổ chức cung cấp dịch vụ Internet và tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập mạng.”

tác của mình có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự hay không. Hợp đồng mà hai bên ký kết có được an toàn và đảm bảo mà không xảy ra rủi ro. Đó là những vướng mắc, trở ngại rất lớn của các bên trước khi tiến đến giao kết một hợp đồng TMĐT.

Để bảo vệ người tiêu dùng, pháp luật yêu cầu website TMĐT phải cung cấp thông tin liên quan đến chủ thể kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ cung ứng website... Tuy nhiên, vẫn còn xuất hiện tình trạng nhiều website chưa cung cấp đầy đủ các thông tin cơ bản về thương nhân.

*Thứ hai, vướng mắc về thực hiện nghĩa vụ đóng thuế trong TMĐT.* Mặc dù pháp luật hiện hành đã quy định khá đầy đủ về đối tượng, mức thuế suất và phương thức kê khai, nộp thuế đối với các giao dịch TMĐT tại Việt Nam. Nhưng trên thực tế, các cơ quan thuế chỉ quản lý được các doanh nghiệp kinh doanh TMĐT có đăng ký, còn các doanh nghiệp không đăng ký và đặc biệt là các cá nhân kinh doanh lĩnh vực này hiện nay rất khó quản lý và kiểm soát. Trên thực tế hiện nay, có rất nhiều cá nhân bán hàng qua mạng xã hội, có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phương tiện kinh doanh, đồng thời có nguồn thu nhập ổn định. Tuy nhiên, việc kiểm soát và thu thuế đối với những trường hợp này gặp nhiều khó khăn, do các quy định pháp luật hiện hành còn bỏ ngỏ.

*Thứ ba, pháp luật chưa có quy định rõ ràng để điều chỉnh cho hợp đồng TMĐT theo mẫu.* Một thực tế khác cho thấy,

chiếm đa số các vấn đề giao kết hợp đồng trực tuyến được tiến hành thông qua website TMĐT bán hàng của các doanh nghiệp hoặc là các sàn giao dịch TMĐT mà những website, những sàn giao dịch đó lại là của các nhà cung cấp trung gian, hay là thư điện tử tuy thực tế đa số vẫn thường sử dụng hợp đồng mẫu nhưng bởi vấn đề giao kết sẽ có thể được trao đổi trực tiếp giữa hai bên, tạo nên được sự tương tác với khách hàng, kết hợp với chức năng đặt hàng trực tuyến của website hoặc là thông qua những hợp đồng truyền thống được đưa lên website từ đó giao kết cũng sẽ trở nên yên tâm hơn, tuy vậy đó vẫn là hợp đồng mẫu. Những hợp đồng mẫu do thương nhân soạn sẵn đa dạng và không có tiêu chí chung, việc thể hiện ý chí của các bên, nhất là người tiêu dùng còn hạn chế và khả năng tiềm ẩn rủi ro cao.

*Thứ tư, chưa có quy định hay hướng dẫn về “tài sản ảo”.* Trong những năm gần đây, tài sản ảo đã trở thành một trong những chủ đề “nóng” và phổ biến ở Việt Nam, điển hình là trào lưu phát triển các phần mềm trò chơi trực tuyến, các game online có vật phẩm mang giá trị quy đổi thành tiền và giao dịch thông qua ngân hàng hay một hệ thống tự tạo trước đó... Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản bao gồm “Vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản”<sup>6</sup>. Như vậy, vấn đề đặt ra là “tài sản ảo” có phải là tài sản và bằng cách nào để xác định được đây là một loại tài sản mà pháp luật cần phải xem xét chẳng hạn như: Tính pháp lý hay về mặt giá trị của tài sản ảo.

<sup>6</sup> Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trên thực tế cho thấy việc giao dịch mua bán các tài sản này trên các nền tảng diễn ra rất phổ biến, nhưng hiện tại pháp luật vẫn chưa có quy định hay hướng dẫn xác định thế nào là tài sản ảo và tài sản ảo trong quan hệ hợp đồng TMĐT được điều chỉnh như thế nào. Do tính phức tạp trong lĩnh vực công nghệ nên việc giám sát và giải quyết tranh chấp liên quan đến những vấn đề mua bán, chuyển nhượng tài sản ảo trong các trò chơi trực tuyến nói riêng và tài sản ảo nói chung là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn và tiến hành một cách cẩn thận để đảm bảo vừa tuân thủ pháp luật vừa phải phù hợp với điều kiện thực tế.

*Thứ năm, chưa có các quy định về công chứng hợp đồng TMĐT.* Công chứng đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm an toàn về mặt pháp lý đối với các hợp đồng hay giao dịch dân sự, kinh tế... Có quan điểm cho rằng, Luật GDĐT đã có quy định về giá trị pháp lý của việc chứng thực chữ ký điện tử, chữ ký số nên nội dung hợp đồng TMĐT đã được xác thực, do đó, vai trò của công chứng hợp đồng TMĐT lúc này là không cần thiết. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, chứng thực chữ ký điện tử là việc xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký điện tử<sup>7</sup> chứ không xác thực được tính hợp pháp về nội dung của hợp đồng. Đây là hai vấn đề không giống nhau.

Mặt khác, hiện nay Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP có quy định về hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử<sup>8</sup>, tuy nhiên vẫn chưa có một quy định cụ thể nào liên quan đến công chứng hợp đồng điện tử. Bên cạnh đó, Luật Công chứng năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2018 cũng chưa đề cập đến việc công chứng hợp đồng, GDĐT.

#### **4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM**

Từ những bất cập và hạn chế nêu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp và hướng hoàn thiện về hợp đồng TMĐT như sau:

*Một là, đẩy mạnh công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong quan hệ TMĐT có hiệu quả.* Đầu tiên, chúng ta cần phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề hiển nhiên nhất và cũng là quan trọng nhất chính là nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật của các chủ thể trong quan hệ TMĐT. Tuyên truyền việc tuân thủ pháp luật TMĐT khi đăng ký cung cấp thông tin website của các chủ thể tham gia quan hệ TMĐT thông qua báo đài, các trang thông tin điện tử quốc gia, các diễn đàn hợp tác trò chuyện giao lưu về vấn đề doanh nghiệp và người tiêu dùng cần quan tâm. Bởi việc cung cấp đầy đủ thông tin trên website không chỉ đối với thương nhân mà còn có tổ chức, cá nhân sẽ hạn chế một cách tối đa các thiệt hại do việc bị sao chép, bắt chước, cố ý thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức

<sup>7</sup> Khoản 2 Điều 4 Luật Giao dịch điện tử năm 2005

<sup>8</sup> Điều 63 Nghị định 52/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định 85/2021/NĐ-CP

điện tử mà không được phép của chủ sở hữu website đó. Từ đó có thể đảm bảo được uy tín, danh tiếng của các website trên sàn TMĐT. Việc tuân thủ pháp luật trong việc cung cấp thông tin trên website cũng là cơ sở để bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng không bị nhầm lẫn trong quá trình lựa chọn các loại sản phẩm, hàng hoá mình cần, giúp cho người tiêu dùng sử dụng hiệu quả hơn đồng tiền của mình, sẽ không còn xuất hiện tình trạng e ngại trước khi thực hiện một giao dịch nào đó. Đồng thời sẽ tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thu hút đầu tư không chỉ trong nước mà còn cả nước ngoài. Các nhà đầu tư họ quan tâm đối tác mà mình đầu tư, ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá, dịch vụ có an toàn không. Nếu một nước mà việc bảo hộ website TMĐT không tốt dễ bị các hacker đánh cắp hoặc giả danh tạo các website để kinh doanh, thực hiện giao dịch, nhà đầu tư sẽ chần chừ vì có thể phải đối mặt với thực trạng đối tác giao dịch của mình có thể là ảo, không có thực, dẫn tới nguy cơ đầu tư thất bại, thậm chí là thua lỗ vì mất hàng hoá.

Để làm được điều đó chúng ta cần tiếp tục nâng cao nhận thức của các thương nhân, tổ chức, cá nhân hơn nữa là tầm quan trọng của việc đăng ký cung cấp đầy đủ thông tin website của mình. Có thể các thương nhân, tổ chức, cá nhân khi mới có ý định kinh doanh, tham gia giao dịch trên sàn TMĐT thấy không cần phải đăng ký hoặc không có đủ thông tin, kiến thức để thực hiện việc đăng ký website trên sàn TMĐT. Chính vì vậy cần phải triển khai tư vấn chuyên sâu hơn, đặc biệt là cần có kênh riêng cung cấp thông tin về

tư vấn đăng ký website cũng như cảnh báo về những vấn đề sẽ xảy ra nếu như các chủ thể không đăng ký hoặc đăng ký thông tin không đầy đủ. Và cuối cùng là vấn đề nâng cao nhận thức các chủ thể trong việc thực hiện nghĩa vụ về thuế hạn chế thấp nhất tình trạng chủ thể tham gia không hiểu, không thực hiện và trốn thuế, vì vậy mà Nhà nước bên cạnh các biện pháp tuyên truyền thì cũng cần đưa ra những biện pháp chế tài mang tính răn đe cao hơn đảm bảo các chủ thể tuân thủ pháp luật.

*Hai là, nâng cao nhận thức các chủ thể trong việc thực hiện nghĩa vụ về thuế.* Để hạn chế thấp nhất tình trạng chủ thể tham gia không hiểu nên không thực hiện và trốn thuế. Vì vậy mà Nhà nước đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích cho các chủ thể thực hiện kinh doanh thương mại điện tử thông qua các nền tảng mạng xã hội hiểu và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó thì cũng cần đưa ra những biện pháp chế tài mang tính răn đe cao hơn đảm bảo các chủ thể tuân thủ pháp luật.

*Ba là, Nhà nước cần xây dựng và ban hành các quy định pháp luật để điều chỉnh, hướng dẫn cụ thể cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng theo mẫu trên các website TMĐT.* Giải pháp này nhằm đảm bảo tính ưng thuận trong hợp đồng và tính công bằng trong quan hệ giữa thương nhân và khách hàng, pháp luật về hợp đồng TMĐT cần phải đưa ra những quy định cụ thể hơn đối với hợp đồng mẫu trên các website TMĐT là đưa ra những điều khoản cho các bên được tham gia thỏa thuận thảo luận hợp đồng một cách khách quan nhất sau đó mới tiến hành

giao kết điều đó sẽ vừa bảo đảm tính công bằng hơn vừa bảo vệ các bên tham gia về mặt pháp lý. Đồng thời, bên cạnh những quy định riêng về nội dung chỉ được áp dụng trong website TMĐT bán hàng thì Nhà nước còn cần phải xây dựng và ban hành các quy định chi tiết hơn về nội dung của các hợp đồng TMĐT mẫu được đưa lên website để đảm bảo rằng việc thực thi nội dung hợp đồng sẽ là sự cân bằng nhất về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia mà không phải là những hợp đồng mẫu tự soạn có sự chênh lệch gây thiệt hại hoặc không đảm bảo cho bên còn lại.

*Bốn là, thực hiện nghiên cứu và đề xuất ban hành quy định pháp luật điều chỉnh đối với tài sản ảo.* Tài sản ảo hiện nay đã thật sự đóng vai trò quan trọng không chỉ đối với người chơi hay các nhà cung cấp dịch vụ mà nó còn nhiều liên quan đến các vấn đề thực tế xã hội khác, chính vì vậy đòi hỏi pháp luật cần phải đưa ra những sự điều chỉnh hợp lý cho vấn đề này. Bởi thực tế tài sản ảo nó vẫn đang được trao đổi, mua bán rất sôi nổi với giá trị thực là những con số không nhỏ. Lợi nhuận cao chính là nguyên nhân thúc đẩy xu hướng đầu tư vào tài sản ảo để có thể thu lợi bằng tiền thật trở nên phổ biến với nhiều hình thức phong phú và đa dạng mà hiện tại chúng ta chưa thể suy đoán trước được. Về khía cạnh pháp luật dân sự thì tài sản ảo lại không nằm trong phạm vi điều chỉnh vì tài sản ảo vốn không phải là giấy tờ có giá, cũng không phải tài sản hữu hình hay vô hình. Từ đó nếu có tranh chấp thì việc giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản ảo, sẽ dẫn đến nhiều khó khăn trong việc áp dụng vào

thực tiễn.

*Năm là, đề xuất xây dựng quy định cho công chứng hợp đồng TMĐT.* Pháp luật Việt Nam hiện nay đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng TMĐT. Tuy nhiên, vấn đề công chứng hợp đồng TMĐT, pháp luật chưa có quy định cụ thể. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên, nhất là người tiêu dùng, chúng tôi cho rằng cần phải có quy định của pháp luật hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề này.

Tóm lại, việc nghiên cứu, thay đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng TMĐT nhằm giải quyết các vấn đề đã bất cập, đó là nhân tố quyết định dẫn đến sự thành công cũng như phát triển của TMĐT Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, 2015. Số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015, Bộ luật Dân sự.
2. Quốc hội, 2005. Số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005, Luật Thương mại.
3. Quốc hội, 2005. Số 51/2005/QH11, ngày 29/11/2005, Luật Giao dịch điện tử.
4. Quốc hội, 2014. Số 54/2014/QH13, ngày 23/6/2014, Luật Hải quan.
5. Quốc hội, 2014. Số 53/2014/QH13, ngày 20/6/2014, Luật công chứng.
6. Văn phòng Quốc hội, 2019. Số 07/VBHN-VPQH, ngày 25/6/2019, Luật Sở hữu trí tuệ.
7. Chính phủ, 2013. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013 về

thương mại điện tử.

8. Chính phủ, 2018. Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

9. Chính phủ, 2021. Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử.

10. Bộ Thông tin và Truyền thông, 2014. Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

11. Luật mẫu về thương mại điện tử (Model Law on Electronic Commerce - MLEC) của UNCITRAL 1996.

12. Luật mẫu về chữ ký điện tử của UNCITRAL (UNCITRAL Model Law on Electronic Signatures).

13. Trần Văn Biên, 2012. Hợp đồng điện tử theo pháp luật Việt Nam. Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

14. Nguyễn Văn Hùng, 2013. Cẩm nang thương mại điện tử. Nhà xuất bản Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh.

15. Nguyễn Việt Tý, 2017. Giáo trình Luật thương mại Việt Nam. Tập 2. Nhà xuất bản Tư pháp. Trường Đại học Luật Hà Nội.

## LEGAL STATUS ON E-COMMERCE CONTRACT IN VIETNAM AND DIRECTIONS FOR COMPLETION

Truong Kim Phung và Dao Thi Hoang Quyen  
Tay Do University  
(Email: tkphung@tdu.edu.vn)

### ABSTRACT

*E-commerce activities have been contributing to the development of the national economy. The conclusion of commercial contracts through electronic means allows subjects to avoid spending too much money in the transaction process, shortens the transaction time, expands the transaction scope, brings high economic efficiency. Especially, before the complicated developments of Covid-19, e-commerce has affirmed its role in the overall economy. Vietnam has issued many documents for the conclusion of electronic contracts in general and e-commerce contracts in particular. However, electronic contract negotiations often involve risks of concern. The provisions of legal documents on concluding e-commerce contracts are still general, the process of entering into e-commerce contracts is still challenging, there are no regulations on the concept, form and process of entering into an e-commerce contract, ... in detail. It can be seen that the current situation of e-commerce contracts in Vietnam is still quite inadequate. Therefore, it is necessary to improve the law on e-commerce contracts.*

**Keywords:** Conclusion, contracts, e-commerce